

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HS-ST
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Thanh Hiên**

2/ Ông **Nguyễn Công Trường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Lo** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 và ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025, đối với:

- Bị cáo: **Đinh Thị Cẩm L**, giới tính: Nữ, sinh ngày 09/01/1984.

Nơi cư trú: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 4/12; nghề nghiệp: Nội trợ; cha: **Đinh Văn L1** (đã chết); mẹ: **Trương Thị L2**, sinh năm 1941 (còn sống); anh, em ruột: Có 07 người (lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất là bị cáo); chồng: **Nguyễn Quốc V** (đã ly hôn); con: 03 người (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006); số CCCD số: 096184001436, ngày cấp: 23/4/2023, nơi cấp: Cục C1 - Bộ C2; tiền án và tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 07/5/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Văn T** (Có mặt) – Văn phòng L5, thuộc Đoàn luật sư tỉnh C.

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1977 (Có mặt), trú: Số D, đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2021, L quen biết với bà Nguyễn Thị T1, cư trú số D, đường H, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian này, L nhiều lần đến nhà bà T1 chơi nên biết bà T1 có nhận cầm cố nhà, đất tại thành phố Hồ Chí Minh, thì L nói dối với bà T1 là đưa tiền để L cầm cố nhà, đất của người khác ở thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau lãi suất 05%/tháng chia đều cho cả hai, thì bà T1 đồng ý và kêu L phải làm hồ sơ, giấy tờ đầy đủ mới được nhận cầm cố nhà, đất của người khác, nhưng thực tế ý định của L là không cầm cố nhà, đất của người khác mà lấy tiền của bà T1 đưa để cho người khác vay, chi xài cá nhân. Thời gian từ ngày 12/4/2021 đến ngày 07/10/2021, L thực hiện 02 lần, chiếm đoạt tiền của bà T1, tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng cụ thể như sau:

- Lần thứ 01: Ngày 12/4/2021, L liên hệ qua điện thoại nói dối với bà T1 là đã tìm được người cần cầm cố nhà, đất yêu cầu chuyển số tiền 100.000.000 đồng để cầm cố nhà, đất thì bà T1 đồng ý và nói với L là phải làm hồ sơ, giấy tờ đầy đủ mới được cầm cố nhà, đất của người khác, thực tế không có người nào liên hệ với L cầm cố nhà đất. Để cho bà T1 tin tưởng, L tự ý làm Giấy cầm cố nhà và đất, đề ngày 12 tháng 4 năm 2021 (dương lịch), nhằm ngày 01 tháng 3 năm 2021 (âm lịch) bên cầm cố ghi tên không là Nguyễn Văn C, Trần Thị T2 và bên nhận cầm cố là Đinh Thị Cẩm L, tài sản nhận cầm cố là căn nhà cấp 4 và đất diện tích ngang 5m, dài 24m, tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, Trần Văn T3, Cà Mau, số tiền cầm cố nhà, đất là 100.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 10 tháng, được tính từ ngày 01/3/2021 âm lịch, lãi suất cầm cố 5%/1tháng và L tự ký tên Nguyễn Văn C, Trần Thị T2 và Đinh Thị Cẩm L. Sau đó, L đem đến nhà ông Võ Văn T4 - Trưởng khóm D, thị trấn S nhờ ông T4 ký xác nhận rồi dùng điện thoại chụp hình giấy cầm cố nhà và đất, gửi để cho bà T1 tin tưởng là có người cầm cố nhà, đất thật thì bà T1 chuyển khoản cho L số tiền 100.000.000 đồng, từ tài khoản 0602.6776.1577 Ngân hàng TMCP S (S1) đến tài khoản 0700.6005.3543 Ngân hàng TMCP S (S1) của L. L trình bày, sau khi nhận được tiền, L đem cho người tên hai Tấn nhà ở C, khóm G, thị trấn S vay tiền với lãi suất 08%/tháng, để hưởng chênh lệch và sử dụng tiền vào mục đích cá nhân dẫn đến mất cân đối không có khả năng chi trả cho bà T1. Đến ngày 01/02/2022, giấy cầm cố nhà và đất đến hạn hoàn vốn, bà T1 điện thoại cho L nói là thu hồi vốn 100.000.000 đồng. L không có tiền trả cho bà T1, do không có cầm cố nhà và đất của C và T2 thật nên L nói dối với bà T1 là “Hiện tại C và T2 chưa có tiền chuộc nhà và đất, bạn có thể cho nó gia hạn thêm một năm được không”, bà T1 đồng ý và nói gia hạn lại phải làm giấy tờ, chụp hình giấy tờ gửi cho bà T1, thì L tự soạn giấy cầm cố nhà và đất, đề ngày 01 tháng 02 năm 2022 (dương lịch), bên cầm cố tên Nguyễn Văn C và Trần Thị T2 và bên nhận cầm cố là Đinh Thị Cẩm L, thời gian cầm cố là 12 tháng, được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 âm lịch và tự ký các tên Nguyễn Văn C, Trần Thị T2 và Đinh Thị Cẩm L, sau đó mang đến nhà của ông Trần Minh T5 - Trưởng khóm

D, thị trấn S nhờ ký xác nhận rồi chụp hình giấy tờ gửi cho bà T1 tin là L có gia hạn cầm cố nhà đất thật, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền này của bà T1.

- Lần thứ 02: Ngày 02/10/2021, L tiếp tục điện thoại nói dối với bà T1 là có người cầm cố nhà và đất số tiền là 200.000.000 đồng, nhưng thực tế không có ai liên hệ với L để cầm cố nhà và đất. Để cho bà T1 tin tưởng, L tự ý làm Giấy cầm cố nhà và đất, đề ngày 07 tháng 10 năm 2021 (dương lịch), nhằm ngày 02 tháng 9 năm 2021 (âm lịch) bên cầm cố ghi tên không là Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thị L3 và bên nhận cầm cố Đinh Thị Cẩm L, tài sản nhận cầm cố là nhà và đất, diện tích ngang 5m, dài 24m, tọa lạc tại khóm D, thị trấn S, Trần Văn T3, Cà Mau, số tiền cầm cố nhà và đất là 200.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 05 tháng, được tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2021 âm lịch, lãi suất cầm cố 5%/1 tháng và L tự ký tên Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thị L3 và Đinh Thị Cẩm L. Sau đó, đem đến nhà ông Võ Văn T4 - Trưởng khóm D, thị trấn S nhờ ông T4 ký xác nhận rồi L lấy bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quốc V (chồng của L đã ly hôn) đặt giấy cầm cố nhà và đất che phần tên Đinh Thị Cẩm L, chụp hình gửi cho bà T1 tin tưởng là có người cầm cố nhà, đất thật. Sau đó, bà T1 chuyển khoản số tiền 193.000.000 đồng, nhưng tính 200.000.000 đồng (vì trước đó, L còn thiếu tiền riêng bà T1 7.000.000 đồng nên L yêu cầu T1 chuyển 193.000.0000 đồng là đủ 200.000.000 đồng). L trình bày, sau khi nhận được tiền, L đem cho người tên L4, cách nhà L khoảng 100m vay với lãi suất 07%/tháng, để hưởng chênh lệch và sử dụng tiền vào mục đích cá nhân dẫn đến mất cân đối không còn khả năng chi trả cho bà T1. Đến ngày 04/3/2022, giấy cầm cố nhà và đất đến hạn hoàn vốn, bà T1 điện thoại nói cho L là thu hồi vốn. Do không có cầm cố nhà và đất của V và L3 nên L nói dối với bà T1 “Hiện tại V và L3 chưa có tiền chuộc nhà và đất, bạn có thể cho nó gia hạn thêm một năm được không”, bà T1 đồng ý và nói gia hạn thì làm giấy tờ lại, chụp hình gửi cho bà T1, thì L tự soạn giấy cầm cố nhà và đất, đề ngày 04 tháng 03 năm 2022 (dương lịch) bên cầm cố tên Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thị L3 và bên nhận cầm cố là Đinh Thị Cẩm L, thời gian cầm cố là 12 tháng, được tính từ ngày 02 tháng 02 năm 2022 đến ngày 22 tháng 02 năm 2023 và L tự ký các tên Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thị L3 và Đinh Thị Cẩm L rồi mang đến nhà của ông Võ Văn T4 - nguyên Trưởng khóm D nhờ ký xác nhận. Sau đó, L chụp hình giấy cầm cố gửi để cho bà T1 tin tưởng là L có gia hạn cầm cố nhà và đất thật, nhằm chiếm đoạt số tiền này của bà T1.

Tổng cộng L chiếm đoạt tiền của bà T1 là 300.000.000 đồng.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn T3 đã làm việc đối với Nguyễn Văn C, Trần Thị T2, Nguyễn Thị L3: Qua làm việc Chánh, T2, L3 xác định là không có cầm cố nhà, đất cho bị cáo Đinh Thị Cẩm L.

- Đối với người tên Nguyễn Quốc V (chồng của L đã ly hôn), có tên trong giấy cầm cố nhà và đất: L trình bày, là L tự nghĩ ra rồi điền vào giấy này, chứ ông V không có cầm cố nhà và đất.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn T3 đã xác minh người tên T6: Chính quyền địa phương xác nhận là chưa có thông tin người tên T6 này ở địa phương và người tên L4 đã bỏ địa phương đi đâu và làm gì hiện nay không rõ.

- Ngoài ra, L còn mượn bà T1 riêng số tiền 150.000.000 đồng, L có trả số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 120.000.000 đồng.

- Ngày 15/10/2024, ông Võ Văn T4 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T số tiền 150.000.000 đồng để hỗ trợ cho L khắc phục hậu quả cho bà T1.

*/ Về vật chứng, tài sản thu giữ và xử lý trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã giao số tiền 150.000.000 đồng cho bà T1.

*/ Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu Đinh Thị Cẩm L thanh toán số tiền còn lại 270.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 14/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Đinh Thị Cẩm L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 14/01/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo từ 3 năm 06 tháng đến 4 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bà T1 số tiền 268.000.000 đồng (trừ 2.000.000 đồng mà gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thống nhất với bày luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại bà T1 đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời yêu cầu bị cáo hoàn trả tổng số tiền 270.000.000 đồng.

- Người bào chữa trình bày ý kiến tranh luận:

Về tội danh: Thống nhất với bày luận tội của Viện kiểm sát.

Về hình phạt: Ngoài các tình tiết mà Viện kiểm sát áp dụng cho bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bị cáo có cung cấp cho Tòa án là ông Đinh Văn M (chú ruột của bị cáo) là Liệt sĩ (có công với Cách mạng), đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Thông nhất với Viện kiểm sát buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền chiếm đoạt còn lại là 148.000.000 đồng (đã trừ 2.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp khắc phục). Tuy nhiên, đối với khoản tiền mà bị cáo vay của bị hại số tiền 120.000.000 đồng, nên tách riêng thành vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

[2.1] Về tội danh: Xét, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo là phù hợp lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai bị hại và phù hợp các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Tháng 4/2021, bị cáo quen biết với bà T1 là người cầm cố nhà, đất tại thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo kêu bà T1 chuyển tiền để bị cáo cầm cố nhà, đất tại thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau, nhưng trong ý định của bị cáo là không có cầm cố nhà, đất gì, mục đích bị cáo lấy tiền mà bà T1 chuyển khoản để sử dụng mục đích cá nhân. Theo đó, từ ngày 12/4 đến ngày 07/10/2021, bị cáo thực hiện 02 lần, là dùng thủ đoạn gian dối nói với bà T1 là có người cần cầm cố nhà và đất thật, nhưng thực tế không có ai cầm cố nhà, đất và bị cáo tự ý làm giấy cầm cố nhà và đất của người khác không, ghi tên người cầm cố và người nhận cầm cố nhà, đất rồi chụp hình gửi cho bà T1 để cho bà T1 tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo 02 lần, rồi chiếm đoạt của bà T1 với tổng số tiền 300.000.000 đồng.

Quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của mọi công dân luôn được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong vụ án này, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, được quy định tại Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 14/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật, có căn cứ để chấp nhận. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 (tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) của Bộ luật Hình sự: “1. Người nào bằng thủ

đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

[2.2] Về hình phạt: Hành vi phạm tội như đã nhận định nêu trên của bị cáo là gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nên cần phải xét xử nghiêm, nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đã thừa nhận hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, ông Võ Văn T4 có nộp số tiền 150.000.000 đồng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra nhằm để hỗ trợ cho bị cáo khắc phục một phần hậu quả (hiện số tiền này bà T1 đã nhận). Ngoài ra vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử, thân nhân của bị cáo (là bà Dương Ngọc T7) có nộp tiền khắc phục thay cho bị cáo số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện Trần Văn Thời quản lý. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay bị hại có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, tại phiên toà ngày 24/3/2025 bị cáo cho rằng gia đình của bị cáo có thân nhân là người có công với Cách mạng, cho nên Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà và ấn định trong thời hạn 05 ngày để bị cáo cùng với Người bào chữa cung cấp giấy tờ về thân nhân của bị cáo là người có công với Cách mạng. Tại phiên toà hôm nay bị cáo có cung cấp Giấy báo tử là ông Đinh Văn M (chú ruột của bị cáo) là Liệt sĩ (có công với Cách mạng). Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xét cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Như đã nhận định nêu trên, thì hành vi phạm tội của bị cáo là cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét tính chất mức độ, hành vi cũng như về nhân thân, thì thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tình tiết tăng nặng không có, cần áp dụng hình phạt dưới khung của điều luật theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo.

Xét, mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà T1 yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 420.000.000 đồng (tiền bị chiếm đoạt là 300.000.000 đồng, tiền mượn là 120.000.000 đồng).

Quá trình điều tra, ông Võ Văn T4 có nộp tiền khắc phục hậu quả thay cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng, số tiền này bà T1 đã nhận. Số tiền còn lại là 270.000.000 đồng (tiền bị chiếm đoạt là 150.000.000 đồng, tiền mượn là 120.000.000 đồng), tại phiên toà bị cáo đồng ý trả cho bà T1 số tiền này. Tuy nhiên, đối với số tiền mượn 120.000.000 đồng, xét thấy đây là khoản tiền giao dịch về dân sự, không có cơ sở để xem xét giải quyết ở vụ án này. Như vậy, giữa bị cáo với bà T1 có quyền thoả thuận riêng, trường hợp có tranh chấp khởi kiện xem xét giải quyết ở vụ án khác. Đối với số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 150.000.000 đồng, cần buộc bị cáo bồi thường cho bà T1. Đã qua gia đình của bị cáo có nộp tiền khắc phục thay cho bị cáo là 2.000.000 đồng (hiện do Chi cục Thi hành án huyện Trần Văn Thời quản lý), số tiền này bà T1 liên hệ đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời để được nhận, đối trừ với số tiền này (2.000.000 đồng) bị cáo phải bồi thường tiếp cho bà T1 số tiền là 148.000.000 đồng.

Đối với ông T4 và, bà T7 (có nộp tiền thay cho bị cáo để khắc phục hậu quả), thì giữa ông T4 và bà T7 với bị cáo có quyền thoả thuận riêng, trường hợp có tranh chấp khởi kiện xem xét giải quyết ở vụ án khác.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo, cho thấy bị cáo không có công việc ổn định. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Không có.

[2.6] Các vấn đề khác có liên quan: Đối với Võ Văn T4 và Trần Minh T5: Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý với vai trò đồng phạm với bị cáo L là có cơ sở.

[3] Về án phí: Do bị cáo đã bị kết án, cần buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch số tiền 7.400.000 đồng (số tiền 148.000.000 đồng buộc bị cáo bồi thường cho bị hại x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Cẩm L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Về hình phạt: Căn cứ Điều 38; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Cẩm L **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 07/5/2024.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đinh Thị Cẩm L bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Đinh Thị Cẩm L không thi hành xong khoản tiền trên, thì bị cáo Đinh Thị Cẩm L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị T1 liên hệ đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để được nhận số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại Biên lai thu 0001052 ngày 20/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

4/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Đinh Thị Cẩm L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự có giá ngạch số tiền 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Đinh Thị Cẩm L và bị hại bà Nguyễn Thị T1 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b);
- CA tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang